

# ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH CỦA TIẾNG VIỆT \_\_\_\_\_

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được ở mức độ sơ giản thuật ngữ *loại hình* và đặc điểm *loại hình của tiếng Việt*.

– Vận dụng được những tri thức về đặc điểm loại hình của tiếng Việt để học tập tiếng Việt và ngoại ngữ thuận lợi hơn.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

Bài học đề cập những vấn đề lí thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học, có phần mới lạ đối với HS, vì vậy GV nên gợi dẫn một cách cụ thể, dễ hiểu, phù hợp với trình độ tiếp nhận của HS.

#### 2. Trọng tâm bài học

– Trọng tâm bài học là đặc điểm loại hình của tiếng Việt, nhưng để có cơ sở lĩnh hội được vấn đề trọng tâm đó, GV cần hướng dẫn HS hiểu được khái niệm *loại hình* và *loại hình ngôn ngữ*. GV tham khảo một số ý kiến sau đây :

+ Về *loại hình*, có nhiều cách giải thích, tùy theo yêu cầu của từng ngành khoa học có vận dụng thuật ngữ này. Định nghĩa *loại hình* trong *Đại từ điển tiếng Việt* (NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1999) có thể coi là ngắn gọn, đơn giản, rõ ràng : “**loại hình** : Một tập hợp những sự vật, hiện tượng cùng có chung những đặc trưng cơ bản nào đó : *loại hình nghệ thuật* • *loại hình báo chí* • *loại hình ngôn ngữ*.”.

+ Về *loại hình ngôn ngữ*, SGK trình bày theo hướng coi đó là một cách phân loại các ngôn ngữ trên thế giới không dựa trên nguồn gốc mà dựa trên những đặc trưng cơ bản nhất của các ngôn ngữ đó.

– GV cũng có thể tham khảo một số kiến giải về *loại hình học*, *loại hình học trong ngôn ngữ*, như :

+ Trong lĩnh vực nghiên cứu, nói đến *loại hình* (type) là nói đến *loại hình học* (typology), một chuyên ngành khoa học không riêng chỉ gắn bó với ngôn ngữ học mà còn gắn bó với nhiều ngành khoa học khác (cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội). *Loại hình học* là một “phương pháp nhận thức khoa học dựa vào khái niệm *kiểu* hoặc *mẫu* để phân loại hệ thống các đối tượng cũng như để nhóm họp chúng lại”.

+ Loại hình học trong ngôn ngữ học bắt nguồn từ ngôn ngữ học so sánh – lịch sử. Mục đích chính mà chuyên ngành khoa học này hướng tới là : phát hiện những đặc trưng trong mỗi ngôn ngữ, sắp xếp những đặc trưng đó trong mối quan hệ với nhau và tổng kết thành quy luật cấu trúc ngôn ngữ, đối chiếu các ngôn ngữ với nhau và hệ thống hoá, tổng kết các đặc trưng cơ bản nhất trong các ngôn ngữ,... Loại hình học cũng tiến hành phân loại các ngôn ngữ, phân loại theo đặc điểm loại hình, tiêu chuẩn loại hình.<sup>(1)</sup>

– Về đặc điểm loại hình của tiếng Việt, SGK nêu ba đặc điểm cơ bản, trong đó HS cần đặc biệt chú ý đến đặc điểm 1 : Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết ; về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ (hoặc yếu tố cấu tạo từ).

Như chúng ta đã biết, *tiếng* trong tiếng Việt có thể được hiểu theo hai nghĩa :

a) *Tiếng* là đơn vị cơ sở của ngữ pháp tiếng Việt.

b) *Tiếng* có nghĩa tương đương như *ngôn ngữ*, ví dụ : tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Nhật,...

*Tiếng* trong bài (còn được gọi là *tiếng một*) được hiểu theo nghĩa a ; trong thơ, *tiếng* thường được gọi là *chữ* : thơ năm chữ, thơ bảy chữ. Đó là cách gọi dựa trên chữ viết.

Cần chú ý đến những khả năng to lớn của *tiếng* trong việc tạo từ (từ ghép, từ láy) ; trong việc Việt hoá từ ngữ vay mượn. Cũng do tiếng Việt cùng loại hình với Hán ngữ, người Việt có thể làm thơ Đường luật bằng tiếng Việt – một việc mà người Nhật Bản, người Hàn Quốc tuy cũng có quan hệ văn hoá lâu đời với Trung Quốc không làm được bằng tiếng Nhật, tiếng Hàn. Họ chỉ có thể làm thơ Đường luật bằng tiếng (chữ) Hán mà thôi.

Đối với HS, các đặc điểm 2 và 3 (từ không biến đổi hình thái ; trật tự từ và hư từ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo câu) có phần quen thuộc nên cũng dễ tiếp nhận. Tuy nhiên, cần lưu ý HS chú ý đến việc dùng các hư từ cho thật sát hợp.

---

(1) Theo N. V. Xtankêvich, *Loại hình các ngôn ngữ*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

SGK nêu rõ tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, đồng thời cũng đã nêu những đặc điểm gắn với loại hình ngôn ngữ này (*tiếng* là đơn vị cơ sở của ngữ pháp tiếng Việt ; từ không biến đổi hình thái ; vai trò quan trọng của trật tự từ, của hư từ trong cách đặt câu). Để HS có thể dễ dàng nắm bắt được những đặc điểm này, nên tận dụng phương pháp so sánh. GV hướng dẫn HS lựa chọn một số ví dụ minh họa cho các đặc điểm nói trên của tiếng Việt lấy từ SGK, hoặc trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thường ngày để phân tích, sau đó đối chiếu với những ví dụ tương ứng lấy từ các bài học ngoại ngữ (cùng loại hình hoặc khác loại hình mà HS đã được học) để so sánh, rút ra nhận định.

### 2. Tiến trình tổ chức bài học

#### (1) Loại hình ngôn ngữ

GV yêu cầu HS đọc lời diễn giải trong SGK về *loại hình ngôn ngữ*, sau đó nêu câu hỏi để kiểm tra mức độ hiểu biết của HS về khái niệm này. Nói chung, HS sẽ nhắc lại những điều đã ghi trong SGK. GV dựa vào các tài liệu tham khảo và phần B – *Những điều cần lưu ý* để làm sáng tỏ thêm. Đặc biệt nên nêu thêm ví dụ cụ thể để minh họa.

#### (2) Đặc điểm loại hình của tiếng Việt

Trên cơ sở HS đã nắm được những điểm cốt yếu về *loại hình* và *loại hình ngôn ngữ*, GV yêu cầu HS nhắc lại những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt – một ngôn ngữ thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập và tự tìm ví dụ để minh họa. GV hướng dẫn HS nhận định về các ví dụ được nêu (mức độ chuẩn xác, sát hợp,...) và tổng kết để khắc sâu những đặc điểm loại hình của tiếng Việt. Có thể chia nhóm để HS nêu ví dụ và so sánh, phân tích, bình luận những ví dụ đã nêu.

GV tổ chức cho HS thực hiện phần *Luyện tập* trong SGK. Đề luyện tập 1 có thể làm ở lớp. Các đề còn lại (2, 3) có thể làm ở nhà.

## III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

### *Bài tập 1*

Để làm bài tập này, HS cần nhận thức rõ vai trò của trật tự từ, hiện tượng không biến đổi hình thái của từ. Ví dụ :

- *nụ tâm xuân*<sub>(1)</sub> : phụ ngữ của cụm động từ chỉ đối tượng của hoạt động *hái*.
- nụ tâm xuân*<sub>(2)</sub> : chủ ngữ của động từ *nở*.
- *bến*<sub>(1)</sub> : phụ ngữ của cụm động từ chỉ đối tượng của động từ *nhớ*.
- bến*<sub>(2)</sub> : chủ ngữ của động từ *đợi*.
- *trẻ*<sub>(1)</sub> : phụ ngữ của cụm động từ chỉ đối tượng của động từ *yêu*.
- trẻ*<sub>(2)</sub> : chủ ngữ của động từ *đến*.

Cần phân tích để thấy được vai trò ngữ pháp của từ thay đổi nhưng hình thức của từ vẫn giữ nguyên, chỉ trật tự sắp đặt các từ trong câu là khác nhau.

### ***Bài tập 2***

Chỉ cần yêu cầu HS so sánh những câu tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, tiếng Nga đơn giản nhất gồm hai bộ phận : chủ ngữ + động từ kèm theo phụ ngữ với câu tiếng Việt tương ứng để đi đến kết luận.

### ***Bài tập 3***

Trong đoạn văn có các hư từ *đã, các, để, lại, mà*.

- *đã* : chỉ hoạt động xảy ra trước thời điểm mốc.
- *các* : chỉ số nhiều toàn thể của sự vật (*xiềng xích*).
- *để* : chỉ mục đích.
- *lại* : chỉ hoạt động tái diễn (Trong đoạn văn này từ *lại* phối hợp với từ *đã* ở câu trước để chỉ sự tăng tiến của mức độ, của sự việc).
- *mà* : chỉ mục đích.

## **IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Iu. V. Rozdextvenxki, *Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương* (Bản dịch của Đỗ Việt Hùng), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997 (Các mục : *Ngôn ngữ học đối chiếu ; Ngôn ngữ học loại hình ; Ngôn ngữ học so sánh – lịch sử* trong Bài giảng 6 và *Nghiên cứu loại hình học* trong Bài giảng 7).

2. N. V. Xtankêvich, *Loại hình các ngôn ngữ, Sđd* (*Chương thứ nhất ; Chương thứ ba ; Chương thứ tư*).